TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2025/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 99/2025/TB - TLVA ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1973

- *Bị đơn*: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1979;

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*:**

Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1953

Đều cùng địa chỉ: Thôn Tây Thượng Liệt, xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Liễu – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60, 61, 62 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị D có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Q, sinh ngày 24/8/2007. Hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lập về kinh tế. Vấn đề nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Về phân chia tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị D và bà Lê Thị L tự phân chia tài sản nợ chung của vợ chồng cụ thể như sau:

- Anh T được sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà mái bằng 02 tầng và toàn bộ các công trình do anh T, chị D xây dựng trên thửa đất số 275, tờ bản đồ số 07 tại thôn Tây Thượng Liệt, xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên là thửa đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Lê Thị L (mẹ đẻ anh Tuấn)
- Anh T thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Dân 135.000.000 đồng (Anh T đã thanh toán xong cho chị D ngày 04/9/2025).

Về đất ruộng: Anh T được sử dụng tiêu chuẩn ruộng cơ bản của anh được giao chung với hộ gia đình bà Lê Thị L ở thôn Tây Thượng Liệt, xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên gồm 648 m^2 được chia theo quyết định 652 và 115m^2 được chia theo quyết định 948 của UBND tỉnh Thái Bình (cũ) nay là tỉnh Hưng Yên.

Chị Dân được sử dụng tiêu chuẩn ruộng cơ bản của chị D được giao chung với hộ gia đình bà Lê Thị L ở thôn Tây Thượng Liệt, xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên là 115 m^2 được chia theo quyết định 948 của UBND tỉnh Thái Bình (cũ) nay là tỉnh Hưng Yên.

Về nợ: Anh T có nghĩa vụ trả bà Lê Thị L số tiền 90.000.000 đồng vợ chồng đã vay của bà Lê Thị L.

Chị D có nghĩa vụ trả bà Liên số tiền 23.000.000 đồng chị Dân vay riêng của bà Lê Thị L (chị D đã thanh toán xong cho bà L 23.000.000 đồng vào ngày 04/9/2025).

4. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị D mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng. Anh T đã nộp 12.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng. Chị D phải hoàn trả cho anh Tuấn số tiền 6.000.000 đồng. (Chị D đã hoàn trả cho anh T xong).

5. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí cho anh Nguyễn Minh T, bà Lê Thị L.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền 5.300.000 đồng anh Tuấn nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000520 ngày 28/5/2025 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Hưng Yên).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** *Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- THA Dân sự tỉnh Hưng Yên
- UBND xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu .

THẨM PHÁN

Đã ký

Hà Thị Nhung